BỘ TÀI CHÍNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 80/2018/TT-BTC	*Hà Nội, ngày 28 tháng 8 năm 2018*

THÔNG TƯ
Hướng dẫn mẫu biểu báo cáo về cho vay lại vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài của Chính phủ

Căn cứ Luật Quản lý nợ công ngày 23 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 87/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 97/2018/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ về cho vay lại vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài của Chính phủ;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý nợ và Tài chính đối ngoại;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư hướng dẫn mẫu biểu báo cáo về cho vay lại vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài của Chính phủ.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này hướng dẫn về mẫu biểu báo cáo về tình hình cho vay lại vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài của Chính phủ theo quy định tại Khoản 4, Điều 32 của Nghị định số 97/2018/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ về cho vay lại vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài của Chính phủ, bao gồm báo cáo về:

1. Tình hình cho vay lại vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài của Chính phủ.

2. Tình hình vay nợ, tình hình tài chính của bên vay lại.

3. Tình hình quản lý tài sản bảo đảm tiền vay.

4. Tình hình thực hiện, vận hành, khai thác dự án đầu tư.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Bên vay lại nguồn vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài của Chính phủ, bao gồm:

a. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh);

b. Đơn vị sự nghiệp công lập.

c. Doanh nghiệp.

2. Bộ Tài chính

3. Cơ quan được Bộ Tài chính ủy quyền làm cơ quan cho vay lại (sau đây gọi là "Cơ quan được ủy quyền cho vay lại") được xác định theo Khoản 2, Khoản 3 Điều 22 Nghị định số 97/2018/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ về cho vay lại vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài của Chính phủ.

4. Tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thực hiện chế độ báo cáo tình hình cho vay lại vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài của Chính phủ.

Điều 3. Mẫu biểu báo cáo

1. Bên vay lại là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi Bộ Tài chính báo cáo theo các mẫu biểu quy định tại Phụ lục I Thông tư này, bao gồm thông tin về:

a. Tình hình vay lại nguồn vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài của Chính phủ, chi tiết theo số rút vốn, số trả nợ, số dư nợ của từng khoản vay lại;

b. Tình hình nợ của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo chủ nợ/nguồn vay, chi tiết theo từng chủ nợ, nguồn vay, bao gồm cả nợ quá hạn phát sinh (nếu có) theo chủ nợ hoặc nguồn vay;

c. Tình hình thực hiện dự án sử dụng vốn vay lại nguồn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài của Chính phủ.

2. Bên vay lại là doanh nghiệp hoặc đơn vị sự nghiệp công lập gửi cơ quan được ủy quyền cho vay lại báo cáo theo các mẫu biểu quy định tại Phụ lục II Thông tư này, bao gồm thông tin về:

a. Tình hình vay lại nguồn vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài của Chính phủ, chi tiết theo số rút vốn, số trả nợ, số dư nợ của từng khoản vay lại;

b. Tình hình tài chính của bên vay lại với các chủ nợ, chi tiết tình hình vay nợ theo từng chủ nợ, nguồn vay, bao gồm cả nợ quá hạn phát sinh (nếu có) theo chủ nợ hoặc nguồn vay, chi tiết tình hình tài chính theo hệ số thanh toán nợ ngắn hạn, hệ số thanh toán nợ dài hạn, hệ số nợ/vốn chủ sở hữu (đối với doanh nghiệp) hoặc hệ số nợ/tổng tài sản (đối với đơn vị sự nghiệp công lập);

c. Tình hình thực hiện dự án sử dụng vốn vay lại nguồn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài của Chính phủ;

d. Tình hình quản lý tài sản bảo đảm tiền vay.

3. Cơ quan được ủy quyền cho vay lại theo phương thức cơ quan cho vay lại không chịu rủi ro tín dụng gửi Bộ Tài chính báo cáo theo các mẫu biểu quy định tại Phụ lục III Thông tư này, bao gồm các thông tin về:

a. Tình hình nợ của các khoản vay nước ngoài về cho vay lại theo chủ nợ cho vay, chi tiết theo chủ nợ nước ngoài và theo dự án, khoản vay lại, số rút vốn, số trả nợ, số dư nợ, số nợ quá hạn (nếu có);

b. Tình hình nợ của các khoản vay nước ngoài về cho vay lại theo đơn vị nhận vay lại, chi tiết theo đơn vị nhận vay lại và theo dự án, khoản vay lại, số rút vốn, số trả nợ, số dư nợ, số nợ quá hạn (nếu có);

c. Tình hình thực hiện rút vốn vay nước ngoài về cho vay lại, chi tiết theo các chủ nợ nước ngoài;

d. Tình hình thực hiện trả nợ Bộ Tài chính, chi tiết số trả nợ gốc, lãi, phí theo chủ nợ nước ngoài;

đ. Tình hình thực hiện trả nợ trực tiếp cho nước ngoài, chi tiết số trả nợ gốc, lãi, phí theo chủ nợ nước ngoài;

e. Tình hình các dự án có nợ quá hạn, chi tiết số nợ quá hạn gốc, lãi, phí, dư phòng rủi ro, nội dung xử lý và kiến nghị (nếu có);

g. Tình hình quản lý tài sản bảo đảm, chi tiết về loại hình tài sản bảo đảm, trí giá hợp đồng đăng ký giao dịch đảm bảo, trị giá tài sản đảm bảo còn lại, nội dung xử lý và kiến nghị (nếu có);

h. Tình hình nợ quá hạn và phân loại nợ, chi tiết dư nợ qua các tháng và phân loại nhóm nợ của các đơn vị vay lại.

4. Cơ quan được ủy quyền cho vay lại theo phương thức chịu toàn bộ rủi ro tín dụng gửi Bộ Tài chính báo cáo theo các mẫu biểu quy định tại Phụ lục IV Thông tư này, bao gồm các thông tin về:

a. Tình hình nợ của các khoản vay nước ngoài về cho vay lại theo chủ nợ cho vay, chi tiết theo chủ nợ nước ngoài và theo dự án, khoản vay lại, số rút vốn, số trả nợ, số dư nợ, số nợ quá hạn (nếu có);

b. Tình hình nợ của các khoản vay nước ngoài về cho vay lại theo đơn vị nhận vay lại, chi tiết theo đơn vị nhận vay lại và theo dự án, khoản vay lại, số rút vốn, số trả nợ, số dư nợ, số nợ quá hạn (nếu có);

c. Tình hình thực hiện rút vốn vay nước ngoài về cho vay lại, chi tiết theo các chủ nợ nước ngoài;

d. Tình hình thực hiện trả nợ Bộ Tài chính, chi tiết số trả nợ gốc, lãi, phí theo chủ nợ nước ngoài.

Điều 4. Tỷ giá lập báo cáo, hình thức báo cáo

1. Số liệu về trị giá vay lại, số dư nợ được lập theo nguyên tệ vay, và quy đổi sang USD và VND theo tỷ giá hạch toán ngân sách nhà nước do Bộ Tài chính công bố, áp dụng vào ngày cuối cùng của kỳ báo cáo.

2. Số liệu về giải ngân của các dự án được lập theo nguyên tệ vay và quy đổi sang USD và VND theo tỷ giá hạch toán ngân sách nhà nước do Bộ Tài chính công bố, áp dụng vào thời điểm phát sinh giao dịch.

3. Số liệu về thu nợ của các dự án được lập theo nguyên tệ vay và quy đổi sang USD, VND theo tỷ giá bán ra đồng tiền cho vay lại tại thời điểm trả nợ do Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam công bố.

4. Các báo cáo gửi về Bộ Tài chính, cơ quan được ủy quyền cho vay lại được thực hiện dưới hình thức văn bản kèm theo tệp điện tử gửi tới địa chỉ được Bộ Tài chính và cơ quan được ủy quyền cho vay lại thông báo.

Điều 5. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/11/2018.

2. Việc lập báo cáo tình hình cho vay lại, tình hình nợ của bên vay lại theo các hợp đồng cho vay lại, hợp đồng ủy quyền cho vay lại đã ký kết trước ngày có hiệu lực của Thông tư này thực hiện theo quy định tại Thông tư này./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Trần Xuân Hà

Phụ lục I

BÁO CÁO TÌNH HÌNH VAY LẠI CỦA UBND CẤP TỈNH

(Ban hành kèm theo Thông tư số 80/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 8 năm 2018 của Bộ Tài chính)

Cơ quan thực hiện: UBND cấp tỉnh, thành phố

Số mẫu biểu báo cáo	Tên mẫu biểu báo cáo
1.01	Báo cáo tình hình vay lại
1.02	Báo cáo tình hình nợ
1.03	Báo cáo tình hình thực hiện dự án vay lại

Cơ quan thực hiện: UBND Tỉnh/Thành phố:… **Mẫu biểu số: 1.01**

BÁO CÁO TÌNH HÌNH VAY LẠI VỐN VAY ODA, VAY ƯU ĐÃI NƯỚC NGOÀI CỦA CHÍNH PHỦ

Kỳ báo cáo: từ ngày……. Đến ngày….

Đơn vị: Nguyên tệ

STT	Tên Dự án/ Chương trình	Nguồn vốn cho vay lại	Nguyên tệ	Dư nợ đầu kỳ	Dư nợ đầu kỳ quy VNĐ	Rút vốn trong kỳ	Trả nợ trong kỳ					Dư nợ cuối kỳ	Dư nợ cuối kỳ quy VND	Nợ quá hạn				
							Gốc	Lãi	Phí theo HĐ vay	Phí QLCVL	Cộng			Gốc	Lãi	Phí vay nước ngoài	Phí QLCVL	Cộng
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
I	Dự án																	
	…																	
II	Dự án																	
	…																	
III	Dự án																	
	…																	
	TỔNG CỘNG																	
	USD			-		-	-	-	-	-	-	-		-	-	-	-	-
	EUR			-		-	-	-	-	-	-	-		-	-	-	-	-
	JPY			-		-	-	-	-	-	-	-		-	-	-	-	-
	KRW			-		-	-	-	-	-	-	-		-	-	-	-	-
	..																	
	Tổng quy USD				-	-	-	-	-	-	-		-	-	-	-	-	-
	Tổng quy VND				-	-	-	-	-	-	-		-	-	-	-	-	-
	Tổng quy …					-	-	-	-	-	-			-	-	-	-	-

Ghi chú:

- Cột 6: Áp dụng tỷ giá hạch toán ngân sách nhà nước do Bộ tài chính công bố tại thời điểm đầu kỳ báo cáo
- Cột 14: Áp dụng tỷ giá hạch toán ngân sách nhà nước do Bộ Tài chính công bố tại thời điểm cuối kỳ báo cáo

……, ngày…… tháng…… năm…..

NGƯỜI LẬP BIỂU **THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**

(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu biểu số: 1.02

Cơ quan thực hiện: UBND Tỉnh/Thành phố …

BÁO CÁO TÌNH HÌNH NỢ CỦA UBND TỈNH…….. THEO CHỦ NỢ

Kỳ báo cáo: Từ ngày..... Đến ngày.....

Đơn vị: Nguyên tệ

STT	TÊN CHỦ NỢ	Dư nợ đầu kỳ	Dư nợ đầu kỳ quy VND	Dư nợ cuối kỳ	Dư nợ cuối kỳ quy VND	Trong đó, Dư nợ quá hạn cuối kỳ	Dư nợ quá hạn cuối kỳ quy VND
1	2	3	4	5	6	7	8
I	**Chủ nợ A**						
	Dự án …						
II	**Chủ nợ B**						
	Dự án …						
III	**Chủ nợ C**						
	Dự án …						
	Tổng dư nợ (quy VNĐ)						
	Hạn mức nợ theo quy định (VNĐ)						

Ghi chú:

- Cột 4: Áp dụng tỷ giá hạch toán ngân sách nhà nước do Bộ Tài chính công bố tại thời điểm đầu kỳ báo cáo
- Cột 6: Áp dụng tỷ giá hạch toán ngân sách nhà nước do Bộ Tài chính công bố tại thời điểm cuối kỳ báo cáo

....., ngày…… tháng……. năm…..

NGƯỜI LẬP BIỂU

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 1.03

Cơ quan thực hiện: UBND tỉnh/thành phố....

UBND TỈNH/THÀNH PHỐ..... CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng.... năm.....

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN VAY LẠI ODA, VAY ƯU ĐÃI NƯỚC NGOÀI CỦA CHÍNH PHỦ

Kỳ báo cáo: từ ngày… đến ngày…

Kính gửi: Bộ Tài chính (Cục Quản lý nợ và Tài chính đối ngoại)

I. Thông tin cơ bản

- Tên Dự án:
- Tên Nhà tài trợ:
- Hiệp định vay số:
- Thời gian thực hiện dự án: từ.... đến...
- Tổng mức đầu tư:
- Tổng số vốn vay:
- Tỷ lệ vay lại:

II. Tiến độ thực hiện dự án

1. Lũy kế vốn vay nước ngoài đã giải ngân, chưa giải ngân đến cuối kỳ báo cáo, phân theo vốn cấp phát, vốn vay lại.

2. Tóm tắt các công việc đã thực hiện của dự án.

3. Tình hình bố trí và sử dụng vốn đối ứng.

4. Tình hình quản lý, sử dụng tài sản của dự án đầu tư.

5. Các vướng mắc trong quá trình triển khai, kiến nghị.

Phụ lục II

BÁO CÁO TÌNH HÌNH VAY LẠI CỦA DOANH NGHIỆP, ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP

(Ban hành kèm theo Thông tư số 80/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 8 năm 2018 của Bộ Tài chính)

Cơ quan thực hiện: Doanh nghiệp/Đơn vị sự nghiệp công lập

Số mẫu biểu báo cáo	Tên mẫu biểu báo cáo
2.01	Báo cáo tình hình vay lại
2.02	Báo cáo tình hình tài chính
2.03	Báo cáo tình hình thực hiện dự án vay lại
2.04	Báo cáo tình hình quản lý tài sản bảo đảm

Mẫu biểu số 2.01

Cơ quan thực hiện:… (Doanh nghiệp/đơn vị sự nghiệp công)

BÁO CÁO TÌNH HÌNH VAY LẠI VỐN VAY ODA, VAY ƯU ĐÃI NƯỚC NGOÀI CỦA CHÍNH PHỦ
Kỳ báo cáo: từ ngày……. Đến ngày….

Đơn vị: Nguyên tệ

STT	TÊN ĐƠN VỊ	Nguồn vốn cho vay lại	Nguyên tệ	Dư nợ đầu kỳ	Rút vốn trong kỳ	Trả nợ trong kỳ						Dư nợ cuối kỳ	Nợ quá hạn				
						Gốc	Lãi	Phí theo Hiệp định vay	Phí QLCVL	Dự phòng RRCVL	Cộng		Gốc	Lãi	Phí vay nước ngoài	Phí QLCVL	Dự phòng RRCVL
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
I	Dự án																
II	Dự án																
III	Dự án																
	Tổng cộng																
	Tổng USD			-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Tổng EUR			-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Tổng JPY			-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Tổng KRW			-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Tổng …			-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Tổng quy USD			-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Tổng quy VND			-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-

Ghi chú:

- Cột 5,13,14,15,16,17,18: Áp dụng tỷ giá hạch toán ngân sách nhà nước quy đổi sang USD và VNĐ do Bộ tài chính công bố vào ngày cuối cùng của tháng cuối cùng của kỳ báo cáo

- Cột 6: Áp dụng tỷ giá hạch toán ngân sách nhà nước quy đổi sang USD và VNĐ do Bộ tài chính công bố tại thời điểm phát sinh giao dịch

- Cột 7,8,9,10,11,12: Áp dụng tỷ giá hạch toán ngân sách nhà nước quy đổi sang USD và VNĐ do Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương công bố tại thời điểm trả nợ

……, ngày…… tháng……. năm…..

NGƯỜI LẬP BIỂU

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu biểu số: 2.02

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CỦA BÊN VAY LẠI VỚI CÁC CHỦ NỢ
Cơ quan thực hiện:… (Doanh nghiệp/đơn vị sự nghiệp công lập)
Kỳ báo cáo: từ ngày……. Đến ngày….

I. Tình hình vay nợ

Đơn vị: Nguyên tệ

STT	TÊN CHỦ NỢ	Dư nợ đầu kỳ		Dư nợ cuối kỳ		Dư nợ quá hạn cuối kỳ	
		Nguyên tệ	Quy VNĐ	Nguyên tệ	Quy VNĐ	Nguyên tệ	Quy VNĐ
1	2	3	4	5	6	7	8
I	Chủ nợ A						
II	Chủ nợ B						
III	Chủ nợ C						
	Tổng dư nợ (quy VND)						

Ghi chú:
- Cột 4: Áp dụng tỷ giá hạch toán ngân sách nhà nước do Bộ Tài chính công bố tại thời điểm đầu kỳ báo cáo
- Cột 6,8: Áp dụng tỷ giá hạch toán ngân sách nhà nước do Bộ Tài chính công bố tại thời điểm cuối kỳ báo cáo

2. Tình hình tài chính

A. Đối với Doanh nghiệp

STT	Hệ số	Tỷ lệ	Ghi chú
1	Hệ số thanh toán nợ ngắn hạn		
2	Hệ số thanh toán nợ dài hạn		
3	Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu		
4	Nợ phải trả/Tổng tài sản		

B. Đối với đơn vị sự nghiệp công lập

STT	Hệ số	Tỷ lệ	Ghi chú
1	Hệ số thanh toán nợ ngắn hạn		
2	Hệ số thanh toán nợ dài hạn		
3	Nợ phải trả/Tổng tài sản		

……, ngày…… tháng……. năm…..

NGƯỜI LẬP BIỂU

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 2.03

Cơ quan thực hiện: Doanh nghiệp/Đơn vị sự nghiệp công lập

CÔNG TY… **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng.... năm.....

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN VAY LẠI ODA, VAY ƯU ĐÃI NƯỚC NGOÀI CỦA CHÍNH PHỦ

Kỳ báo cáo: từ ngày... đến ngày...

Kính gửi: Bộ Tài chính (Cục Quản lý nợ và Tài chính đối ngoại)

I. Thông tin cơ bản

- Tên Dự án:
- Tên Nhà tài trợ:
- Hiệp định vay số:
- Thời gian thực hiện dự án: từ.... đến...
- Tổng mức đầu tư:
- Tổng số vốn vay:
- Tỷ lệ vay lại

II. Tình hình thực hiện dự án

1. Lũy kế vốn vay nước ngoài đã giải ngân, chưa giải ngân đến cuối kỳ báo cáo, phân theo vốn cấp phát, vốn vay lại.
2. Tóm tắt các công việc đã thực hiện của dự án
3. Tình hình bố trí và sử dụng vốn đối ứng
4. Tình hình quản lý, sử dụng tài sản của dự án đầu tư
5. Tình hình biến động tài sản bảo đảm tiền vay
6. Các vướng mắc trong quá trình triển khai, kiến nghị

Mẫu biểu số 2.04

Cơ quan thực hiện:… (Doanh nghiệp/Đơn vị sự nghiệp công lập)

BÁO CÁO TÌNH HÌNH QUẢN LÝ TÀI SẢN BẢO ĐẢM
Kỳ báo cáo: từ ngày… đến ngày…

Đồng tiền: VNĐ

Tên dự án	Nguồn vốn vay	Đồng tiền vay	Dư nợ cuối kỳ báo cáo (Nguyên tệ)	Dư nợ cuối kỳ báo cáo quy VNĐ	Loại tài sản bảo đảm		Trị giá tại Hợp đồng đăng ký giao dịch đảm bảo quy VNĐ	Trị giá tài sản đảm bảo còn lại (theo giá trị sổ sách) quy VNĐ	Chênh lệch	Nội dung xử lý hoặc kiến nghị
					Tài sản hình thành từ vốn vay	Tài sản khác				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10=5-9	11
Dự án…..					x	x				
Dự án…..					x					
Dự án…..						x				

Ghi chú:
- Cột 5,8,9: Áp dụng tỷ giá hạch toán ngân sách nhà nước quy VNĐ do Bộ Tài chính công bố tại thời điểm cuối kỳ báo cáo

……, ngày..... tháng..... năm.....

NGƯỜI LẬP BIỂU

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)

Phụ lục III

BÁO CÁO TÌNH HÌNH CHO VAY LẠI

(Ban hành kèm theo Thông tư số 80/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 8 năm 2018 của Bộ Tài chính)

Cơ quan thực hiện: Cơ quan được ủy quyền cho vay lại theo phương thức không chịu rủi ro tín dụng

Số mẫu biểu báo cáo	Tên mẫu biểu báo cáo
3.01	Nợ của các khoản cho vay lại theo chủ nợ cho vay
3.02	Nợ của các khoản cho vay lại theo đơn vị vay lại
3.03	Thực hiện rút vốn vay nước ngoài về cho vay lại
3.04	Thực hiện trả nợ Bộ Tài chính
3.05	Thực hiện trả nợ trực tiếp cho nước ngoài
3.06	Báo cáo tình hình các dự án có nợ quá hạn
3.07	Báo cáo tình hình quản lý tài sản bảo đảm
3.08	Báo cáo tình hình nợ quá hạn và phân loại nợ

Mẫu biểu số 3.01

Cơ quan thực hiện:… (Cơ quan được ủy quyền cho vay lại không chịu rủi ro)

NỢ CỦA CÁC KHOẢN VAY NƯỚC NGOÀI VỀ CHO VAY LẠI THEO CHỦ NỢ CHO VAY

Kỳ báo cáo: từ ngày… đến ngày…

	Loại tiền	DƯ NỢ ĐẦU NĂM			RÚT VỐN TRONG NĂM TỪ NHÀ TÀI TRỢ NƯỚC NGOÀI			TRẢ NỢ TRONG NĂM															DƯ NỢ CUỐI NĂM		
								GỐC			LÃI			PHÍ			DỰ PHÒNG RỦI RO			TỔNG CỘNG					
		Nguyên tệ	Quy USD	Quy VND	Nguyên tệ	Quy USD	Quy VND	Nguyên tệ	Quy USD	Quy VND	Nguyên tệ	Quy USD	Quy VND	Nguyên tệ	Quy USD	Quy VND	Nguyên tệ	Quy USD	Quy VND	Nguyên tệ	Quy USD	Quy VND	Nguyên tệ	Quy USD	Quy VND
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24
TỔNG CỘNG																									
Chính phủ nước ngoài																									
Nước…..																									
Dự án…..																									
Dự án….																									
Tổ chức quốc tế																									
Tổ chức																									
Dự án…..																									
Dự án …..																									
Các TCTD, NHTM																									
Ngân hàng…																									
Dự án ….																									
Dự án …..																									
Tổ chức khác (nếu có)																									
Tên tổ chức ….																									
Dự án….																									
Dự án….																									

Ghi chú:

- Cột 2,3: Áp dụng tỷ giá hạch toán ngân sách nhà nước do Bộ Tài chính công bố tại thời điểm đầu kỳ báo cáo
- Cột 5,6: Áp dụng tỷ giá hạch toán ngân sách nhà nước do Bộ Tài chính công bố tại thời điểm phát sinh giao dịch
- Cột 8,9,11,12,14,15,17,18,20,21: Áp dụng tỷ giá bán ra đồng tiền cho vay lại của Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương công bố tại thời điểm trả nợ
- Cột 23,24: Áp dụng tỷ giá hạch toán ngân sách nhà nước do Bộ Tài chính công bố tại thời điểm cuối kỳ báo cáo

……, ngày…… tháng……. năm…..

NGƯỜI LẬP BIỂU

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)

Cơ quan thực hiện:… (Cơ quan được ủy quyền cho vay lại không chịu rủi ro) **Mẫu biểu số 3.02**

NỢ CỦA CÁC KHOẢN VAY NƯỚC NGOÀI VỀ CHO VAY LẠI THEO ĐƠN VỊ NHẬN VAY LẠI

Kỳ báo cáo: từ ngày… đến ngày…

Đơn vị tính: Nguyên tệ

STT	TÊN ĐƠN VỊ	Loại tiền	Dư nợ đầu kỳ	Rút vốn trong kỳ	Trả nợ trong kỳ					Dư nợ cuối kỳ	NỢ QUÁ HẠN		
					Gốc	Lãi	Phí	Dự phòng rủi ro	Cộng		Gốc	Lãi+Phí	Cộng
A		B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	TỔNG CỘNG												
1	Người vay…												
	Dự án….												
	Dự án….												
2	Người vay…												
	Dự án….												
	Dự án….												
3	Người vay…												
	Dự án….												
	Dự án….												
4	Người vay…												
	Dự án….												
	Dự án….												
5	Người vay…												
	Dự án….												
	Dự án….												

……, ngày…… tháng……. năm…..

NGƯỜI LẬP BIỂU

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu biểu số 3.03

Cơ quan thực hiện:… (Cơ quan được ủy quyền cho vay lại không chịu rủi ro)

THỰC HIỆN RÚT VỐN VAY NƯỚC NGOÀI VỀ CHO VAY LẠI
Kỳ báo cáo: từ ngày… đến ngày…

TÊN DỰ ÁN		RÚT VỐN TỪ NHÀ TÀI TRỢ NƯỚC NGOÀI		
	Loại tiền	Nguyên tệ	Quy USD	Quy VND
	A	1	2	3
TỔNG CỘNG				
Chính phủ nước ngoài				
Nước…..				
Dự án…..				
Dự án…..				
Dự án…..				
Tổ chức quốc tế				
Tổ chức				
Dự án…..				
Dự án…..				
Các TCTD, NHTM				
Ngân hàng….				
Dự án…..				
Dự án…..				
Tổ chức khác (nếu có)				
Tên tổ chức….				
Dự án…..				
Dự án…..				

Ghi chú:
- Các cột quy USD, VNĐ: Áp dụng tỷ giá hạch toán ngân sách nhà nước do Bộ Tài chính công bố vào thời điểm phát sinh giao dịch

……, ngày…… tháng……. năm…..

NGƯỜI LẬP BIỂU **THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**

(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu biểu số 3.04

Cơ quan thực hiện:… (Cơ quan được ủy quyền cho vay lại không chịu rủi ro)

THỰC HIỆN TRẢ NỢ BỘ TÀI CHÍNH

Kỳ báo cáo: từ ngày… đến ngày…

TÊN DỰ ÁN	Loại tiền	Tổng trả nợ của dự án theo nguyên tệ							Quy USD	Quy VND
		Gốc	Lãi	Phí cho vay lại trả cho cơ quan được ủy quyền cho vay lại	Phí cho vay lại trả Bộ Tài chính	Phí	Dự phòng rủi ro	Cộng		
	A	1	2	3	4	5=3+4	6	7	8	9
TỔNG CỘNG										
Chính phủ nước ngoài										
Nước…..										
Dự án…..										
Tổ chức quốc tế										
Tổ chức										
Dự án …..										
Các TCTD, NHTM										
Ngân hàng….										
Dự án…..										
Tổ chức khác (nếu có)										
Tên tổ chức….										
Dự án…..										

Ghi chú:

- Các cột quy USD, VNĐ: Áp dụng tỷ giá bán ra đồng tiền cho vay lại do Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương công bố tại thời điểm trả nợ

……, ngày ….. tháng …… năm …

NGƯỜI LẬP BIỂU

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)

Cơ quan thực hiện:… (Cơ quan được ủy quyền cho vay lại không chịu rủi ro) **Mẫu biểu số 3.05**

THỰC HIỆN TRẢ NỢ TRỰC TIẾP CHO NƯỚC NGOÀI

Kỳ báo cáo: từ ngày… đến ngày…

TÊN DỰ ÁN	Loại tiền	Trả nợ trực tiếp nước ngoài theo nguyên tệ				Quy USD	Quy VND
		Gốc	Lãi	Phí	Cộng		
A		1	2	3	4	5	6
TỔNG CỘNG							
Chính phủ nước ngoài							
Nước…..							
Dự án…..							
Tổ chức quốc tế							
Tổ chức							
Dự án…..							
Các TCTD, NHTM							
Ngân hàng….							
Dự án…..							
Tổ chức khác (nếu có)							
Tên tổ chức….							
Dự án…..							

Ghi chú:

- Các cột quy USD, VNĐ: Áp dụng tỷ giá bán ra đồng tiền cho vay lại do Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương công bố tại thời điểm trả nợ

……., ngày….. tháng…… năm….

NGƯỜI LẬP BIỂU

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)

Cơ quan thực hiện:… (Cơ quan được ủy quyền cho vay lại không chịu rủi ro) **Mẫu biểu số 3.06**

BÁO CÁO TÌNH HÌNH CÁC DỰ ÁN CÓ NỢ QUÁ HẠN
Kỳ báo cáo: từ ngày… đến ngày…

Đơn vị tính: Nguyên tệ

TÊN DỰ ÁN	Loại tiền	DƯ NỢ ĐẾN 31/12/….			TRONG ĐÓ NỢ QUÁ HẠN					Nội dung xử lý hoặc kiến nghị
		Nguyên tệ	Quy USD	Quy VND	Gốc	Lãi	Phí	Dự phòng rủi ro	Cộng	
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	C
TỔNG CỘNG										
Chính phủ nước ngoài										
Nước…..										
Dự án…..										
Tổ chức quốc tế										
Tổ chức										
Dự án…..										
Các TCTD, NHTM										
Ngân hàng….										
Dự án…..										
Tổ chức khác (nếu có)										
Tên tổ chức….										
Dự án…..										

Ghi chú:
- Các cột quy USD, VNĐ: Áp dụng tỷ giá hạch toán ngân sách nhà nước do Bộ Tài chính công bố tại thời điểm cuối kỳ báo cáo

……, ngày….. tháng…… năm….

NGƯỜI LẬP BIỂU

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu biểu số 3.07

Cơ quan thực hiện:… (Cơ quan được ủy quyền cho vay lại không chịu rủi ro)

BÁO CÁO TÌNH HÌNH QUẢN LÝ TÀI SẢN BẢO ĐẢM
Kỳ báo cáo: từ ngày… đến ngày…

Đồng tiền: VNĐ

Tên dự án	Nguồn vốn vay	Đồng tiền vay	Dư nợ cuối kỳ báo cáo (Nguyên tệ)	Dư nợ cuối kỳ báo cáo quy VNĐ	Loại tài sản bảo đảm		Trị giá tại Hợp đồng đăng ký giao dịch đảm bảo quy VNĐ	Trị giá tài sản đảm bảo còn lại (theo giá trị sổ sách) quy VNĐ	Chênh lệch	Nội dung xử lý hoặc kiến nghị
					Tài sản hình thành từ vốn vay	Tài sản khác				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10=5-9	11
Dự án…..					x	x				
Dự án…..					x					
Dự án....						x				

Ghi chú:

- Cột 5,8,9: Áp dụng tỷ giá hạch toán ngân sách nhà nước quy VNĐ do Bộ Tài chính công bố tại thời điểm cuối kỳ báo cáo

……, ngày….. tháng…… năm ….

NGƯỜI LẬP BIỂU

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu biểu số 3.08

Cơ quan thực hiện:… (Cơ quan được ủy quyền cho vay lại không chịu rủi ro)

BÁO CÁO NỢ QUÁ HẠN VÀ PHÂN LOẠI NỢ

Kỳ báo cáo: từ ngày… đến ngày…

Tình hình nợ quá hạn vốn nước ngoài cho vay lại

Tháng	Tổng dư nợ quá hạn vốn nước ngoài	
	Quy USD	Quy VND
Tháng 1		
Tháng 2		
Tháng 3		
Tháng 4		
Tháng 5		
Tháng 6		
Tháng 7		
Tháng 8		
Tháng 9		
Tháng 10		
Tháng 11		
Tháng 12		

Tình hình phân loại nợ

Nhóm nợ	Số lượng khoản vay lại	Dư nợ vốn nước ngoài cho vay lại		
		Nguyên tệ	Quy USD	Quy VND
- Dư nợ đủ tiêu chuẩn				
- Dư nợ nhóm 2				
- Dư nợ nhóm 3				
- Dư nợ nhóm 4				
- Dư nợ nhóm 5				

Ghi chú:

- Báo cáo tổng dư nợ quá hạn các tháng tại thời điểm ngày cuối cùng của tháng báo cáo.
- Các cột quy USD, VNĐ: Áp dụng tỷ giá hạch toán ngân sách nhà nước do Bộ Tài chính công bố tại thời điểm cuối kỳ báo cáo.

……, ngày….. tháng……. năm….

NGƯỜI LẬP BIỂU

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)

Phụ lục IV

BÁO CÁO TÌNH HÌNH CHO VAY LẠI

(Ban hành kèm theo Thông tư số 80/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 8 năm 2018 của Bộ Tài chính)

Cơ quan thực hiện:... (Cơ quan được ủy quyền cho vay lại theo phương thức chịu toàn bộ rủi ro tín dụng)

Số mẫu biểu báo cáo	Tên mẫu biểu báo cáo
4.01	Nợ của các khoản cho vay lại theo chủ nợ cho vay
4.02	Nợ của các khoản cho vay lại theo đơn vị vay lại
4.03	Thực hiện rút vốn vay nước ngoài về cho vay lại
4.04	Thực hiện trả nợ Bộ Tài chính

Cơ quan thực hiện:… (Cơ quan được ủy quyền cho vay lại chịu rủi ro tín dụng) **Mẫu biểu số 4.01**

NỢ CỦA CÁC KHOẢN VAY NƯỚC NGOÀI VỀ CHO VAY LẠI THEO CHỦ NỢ CHO VAY
Kỳ báo cáo: từ ngày… đến ngày…

	Loại tiền	DƯ NỢ ĐẦU NĂM			RÚT VỐN TRONG NĂM TỪ NHÀ TÀI TRỢ NƯỚC NGOÀI			TRẢ NỢ TRONG NĂM																DƯ NỢ CUỐI NĂM		
								GỐC			LÃI			PHÍ			DỰ PHÒNG RỦI RO			CỘNG							
		Nguyên tệ	Quy USD	Quy VND	Nguyên tệ	Quy USD	Quy VND	Nguyên tệ	Quy USD	Quy VND	Nguyên tệ	Quy USD	Quy VND	Nguyên tệ	Quy USD	Quy VND	Nguyên tệ	Quy USD	Quy VND	Nguyên tệ	Quy USD	Quy VND	Nguyên tệ	Quy USD	Quy VND
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24
TỔNG CỘNG																									
Chính phủ nước ngoài																									
Nước…..																									
Dự án…..																									
Dự án…..																									
Tổ chức quốc tế																									
Tổ chức																									
Dự án…..																									
Dự án…..																									
Các TCTD, NHTM																									
Ngân hàng…																									
Dự án…..																									
Dự án…..																									
Tổ chức khác (nếu có)																									
Tên tổ chức….																									
Dự án…..																									
Dự án…..																									

Ghi chú:

- Cột 2,3: Áp dụng tỷ giá hạch toán ngân sách nhà nước do Bộ Tài chính công bố tại thời điểm đầu kỳ báo cáo
- Cột 5,6: Áp dụng tỷ giá hạch toán ngân sách nhà nước do Bộ Tài chính công bố tại thời điểm phát sinh giao dịch
- Cột 8,9,11,12,14,15,17,18,20,21: Áp dụng tỷ giá bán ra đồng tiền cho vay lại của Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương công bố tại thời điểm trả nợ
- Cột 23,24: Áp dụng tỷ giá hạch toán ngân sách nhà nước do Bộ Tài chính công bố tại thời điểm cuối kỳ báo cáo

NGƯỜI LẬP BIỂU

……, ngày…… tháng……. năm…..
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu biểu số 4.02

Cơ quan thực hiện:… (Cơ quan được ủy quyền cho vay lại chịu rủi ro tín dụng)

NỢ CỦA CÁC KHOẢN VAY NƯỚC NGOÀI VỀ CHO VAY LẠI THEO ĐƠN VỊ NHẬN VAY LẠI
Kỳ báo cáo: từ ngày… đến ngày…

Đơn vị tính: Nguyên tệ

STT	TÊN ĐƠN VỊ	Loại tiền	Dư nợ đầu kỳ	Rút vốn trong kỳ	Trả nợ trong kỳ					Dư nợ cuối kỳ	NỢ QUÁ HẠN		
					Gốc	Lãi	Phí	Dự phòng rủi ro	Cộng		Gốc	Lãi+Phí	Cộng
A		B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	TỔNG CỘNG												
1	Người vay…												
	Dự án….												
	Dự án….												
2	Người vay…												
	Dự án….												
	Dự án….												
3	Người vay…												
	Dự án….												
	Dự án….												
4	Người vay…												
	Dự án….												
	Dự án….												
5	Người vay…												
	Dự án….												
	Dự án….												

……, ngày …… tháng ……. năm …..

NGƯỜI LẬP BIỂU

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu biểu số 4.03

Cơ quan thực hiện:… (Cơ quan được ủy quyền cho vay lại chịu rủi ro tín dụng)

THỰC HIỆN RÚT VỐN VAY NƯỚC NGOÀI VỀ CHO VAY LẠI

Kỳ báo cáo: từ ngày… đến ngày…

TÊN DỰ ÁN		RÚT VỐN TỪ NHÀ TÀI TRỢ NƯỚC NGOÀI		
	Loại tiền	Nguyên tệ	Quy USD	Quy VND
	A	1	2	3
TỔNG CỘNG				
Chính phủ nước ngoài				
Nước…..				
Dự án…..				
Dự án…..				
Tổ chức quốc tế				
Tổ chức				
Dự án…..				
Dự án…..				
Các TCTD, NHTM				
Ngân hàng….				
Dự án…..				
Dự án…..				
Tổ chức khác (nếu có)				
Tên tổ chức….				
Dự án…..				
Dự án…..				

Ghi chú:

- Các cột quy USD, VNĐ: Áp dụng tỷ giá hạch toán ngân sách nhà nước do Bộ Tài chính công bố vào thời điểm phát sinh giao dịch

……, ngày…… tháng……. năm…..

NGƯỜI LẬP BIỂU | **THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**

(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu biểu số 4.04

Cơ quan thực hiện:… (Cơ quan được ủy quyền cho vay lại chịu rủi ro tín dụng)

THỰC HIỆN TRẢ NỢ BỘ TÀI CHÍNH
Kỳ báo cáo: từ ngày… đến ngày…

TÊN DỰ ÁN	Loại tiền	Tổng trả nợ của dự án theo nguyên tệ							Quy USD	Quy VND
		Gốc	Lãi	Phí cho vay lại trả cơ quan cho vay lại	Phí cho vay lại trả Bộ Tài chính	Phí	Dự phòng rủi ro	Cộng		
	A	1	2	3	4	5	6	7	8	9
TỔNG CỘNG										
Chính phủ nước ngoài										
Nước…..										
Dự án…..										
Tổ chức quốc tế										
Tổ chức										
Dự án…..										
Các TCTD, NHTM										
Ngân hàng….										
Dự án…..										
Tổ chức khác (nếu có)										
Tên tổ chức….										
Dự án…..										

Ghi chú:
- Các cột quy USD, VNĐ: Áp dụng tỷ giá bán ra đồng tiền cho vay lại do Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương công bố tại thời điểm trả nợ

……, ngày….. tháng…… năm….

NGƯỜI LẬP BIỂU

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)